

# NÂNG CAO TÍNH CHỦ ĐỘNG CỦA SINH VIÊN – GIẢI PHÁP QUAN TRỌNG ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRONG ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

Đào Ngọc Cảnh và Huỳnh Văn Đà<sup>1</sup>

## ABSTRACT

*Training by credit-based system is a progressive modality of training in the world. The essence of this modality training is enhancing activeness and self-motivated of students. This study presents the nature of training by credit-based system, advantages and disadvantages of this system, contemporary situation and solution to raise self-motivated of students.*

*The research data was collected from 500 students in regular majors of Cantho University. In addition, we refer some opinions and research data of specialists and lectures in some other universities.*

*The result showed that the imperative problem of training by credit-based system was how to raise self-motivated of students. This is one of the important solutions to increase quality of training by credit-based system.*

**Keywords:** *credit, credit-based education, self-motivated of students, study plan*

**Title:** *Increase self-motivated of students – the important solution to enhance quality of training by credit-based system*

## TÓM TẮT

*Đào tạo theo học chế tín chỉ là một phương thức đào tạo tiên tiến trên thế giới. Bản chất của phương thức đào tạo này là phát huy tính tích cực, chủ động của sinh viên (SV). Bài nghiên cứu này đề cập đến thực chất của đào tạo theo học chế tín chỉ, những ưu điểm và hạn chế của nó, thực trạng và giải pháp nâng cao tính chủ động của sinh viên.*

*Các số liệu nghiên cứu được thu thập từ 500 sinh viên các ngành đào tạo chính quy của Trường Đại học Cần Thơ. Ngoài ra, chúng tôi cũng tham khảo ý kiến và kết quả nghiên cứu của các chuyên gia và giảng viên ở một số trường đại học khác.*

*Kết quả nghiên cứu cho thấy vấn đề cấp thiết đặt ra trong đào tạo theo học chế tín chỉ là phải tăng cường tính chủ động của sinh viên trong mọi khâu của quá trình đào tạo. Đây là một trong những giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo theo học chế tín chỉ.*

**Từ khóa:** *tín chỉ, đào tạo theo tín chỉ, tính chủ động của sinh viên, kế hoạch học tập*

## 1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Đào tạo theo học chế tín chỉ (TC) là một phương thức đào tạo tiên tiến trên thế giới. Phương thức đào tạo này ra đời từ năm 1872 tại Đại học Harvard (Hoa Kỳ). Tiếp sau đó, học chế TC đã được áp dụng ngày càng rộng rãi trong các trường đại học ở nhiều nước trên thế giới như các nước Bắc Mỹ, Liên minh Châu Âu, Nhật

---

<sup>1</sup> Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ

Bản, Philippin, Đài Loan, Hàn Quốc, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Ấn Độ, Senegal, Mozambic, Nigeria, Uganda, Camerun, Trung Quốc, v.v...

Ở Việt Nam, Nghị quyết của Chính phủ số 14/2005/NQ-CP ngày 2/11/2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020 đã nêu rõ: "*Xây dựng và thực hiện lộ trình chuyển sang chế độ đào tạo theo hệ thống TC, tạo điều kiện thuận lợi để người học tích lũy kiến thức, chuyển đổi ngành nghề, liên thông, chuyển tiếp tới các cấp học tiếp theo ở trong nước và ở nước ngoài*". Hiện nay, hầu hết các trường đại học ở nước ta đã áp dụng phương thức đào tạo theo học chế TC với những mức độ khác nhau.

Năm 2007, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành "*Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống TC*" (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). Theo chủ trương của Bộ, năm 2011 là hạn cuối cùng để các trường liên quan phải chuyển đổi sang hệ thống đào tạo mới này.

Cùng với tiến trình chung của cả nước, trường Đại học Cần Thơ đã trải qua hai giai đoạn áp dụng phương thức đào tạo theo TC: (1) Giai đoạn chuyển đổi được tiến hành từ năm học 1995-1996; (2) Giai đoạn thực hiện TC hóa triệt để từ năm học 2007-2008. Khác với nhiều trường đại học trong cả nước, Trường Đại học Cần Thơ áp dụng đào tạo theo TC triệt để cho tất cả các ngành học, khóa học và các hệ đào tạo. Bên cạnh việc thay đổi về cơ chế quản lý đào tạo, Trường còn đẩy mạnh việc giảm số TC trong chương trình đào tạo. Với chương trình đào tạo 4 năm, Trường đã giảm từ 210 TC (năm học 1995-1996) xuống còn 138 TC (năm học 2007-2008), 136 TC (năm học 2008-2009) và 120 TC (năm học 2010-2011).

Qua quá trình thực hiện đào tạo theo học chế TC, một vấn đề đặt ra là phải nâng cao tính chủ động của sinh viên - nhân vật trung tâm của hệ thống đào tạo. Xuất phát từ nhu cầu thực tế, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu đề tài: "*Thực trạng và giải pháp nâng cao tính chủ động của SV trong đào tạo theo học chế TC ở Trường Đại học Cần Thơ*" nhằm góp phần nâng cao chất lượng trong đào tạo theo TC của Trường Đại học Cần Thơ nói riêng và hệ thống giáo dục đại học cả nước nói chung.

## 2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu được chúng tôi thực hiện trong đề tài này là khảo sát ý kiến SV về đào tạo theo học chế TC. Cụ thể, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 500 SV các ngành đào tạo khác nhau thuộc hệ đào tạo chính quy của trường Đại học Cần Thơ bằng bảng hỏi. Cấu trúc bảng hỏi gồm 31 câu hỏi với 182 tiêu chí theo ba dạng ý kiến: ý kiến đánh giá theo 5 mức độ (5- rất cao, 4- cao, 3- trung bình, 2- thấp, 1- rất thấp); ý kiến lựa chọn các phương án; ý kiến cung cấp thông tin. Các đối tượng khảo sát được áp dụng theo phương thức chọn mẫu ngẫu nhiên. Tất cả các phiếu khảo sát được nhập và phân tích bằng phần mềm SPSS.

### 3 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Bản chất của phương thức đào tạo theo học chế TC là cá thể hóa việc học tập của người học. Nếu như trong đào tạo theo niên chế, mọi SV trong một ngành học và một khóa học đều học tập các môn học như nhau theo một thời khóa biểu chung do nhà trường sắp xếp, thì trong đào tạo theo học chế TC, SV được quyền quyết định kế hoạch học tập toàn khóa cũng như kế hoạch học tập trong từng học kỳ phù hợp với năng lực học tập và hoàn cảnh cụ thể của mình, tức là mỗi SV có một thời khóa biểu riêng. Điều này được các nhà nghiên cứu gọi là nguyên lý “*tiệc buffer*”, tức là SV được tự chọn các học phần để học trong mỗi học kỳ, mỗi năm học. Cách tổ chức hoạt động theo nguyên lý mới này đảm bảo cho quá trình đào tạo trong các trường đại học trở nên mềm dẻo hơn, đồng thời cũng tạo khả năng cho việc thiết kế chương trình liên thông giữa các cấp đào tạo đại học và giữa các ngành đào tạo khác nhau. Kết quả khảo sát của chúng tôi về ý kiến SV đối với các ưu điểm của đào tạo theo học chế TC như sau:

**Bảng 1: Ý kiến SV về những ưu điểm của đào tạo theo học chế TC**

*Đơn vị tính: %*

Tiêu chí / Mức độ	Cá thể hóa việc học	SV chủ động lập KHHT	Chương trình mềm dẻo	SV năng động	Có thể học 2 ngành	Có thể học vượt	Có thời gian rảnh	Tăng cường sự giao lưu
Rất thấp	0,2	0,2	1.0	0.6	0,2	0,4	1.0	1.6
Thấp	1.4	2.6	9.7	4.0	7.6	5.0	8.9	12.3
Trung bình	19.4	13.0	45.9	27.1	18.8	15.8	26.0	33.8
Cao	52.7	40.6	34.8	49.2	37.7	46.3	41.7	36.2
Rất cao	26.3	43.6	8.7	19.1	35.7	32.5	22.4	16.1
Tổng	100.0	100.0	100.0	100.0	100.0	100.0	100.0	100.0

*Nguồn: Số liệu điều tra trực tiếp năm 2011, % trên tổng số 500 mẫu.*

Phương thức đào tạo theo học chế TC tạo điều kiện cho SV năng động hơn và có khả năng thích ứng tốt hơn những biến đổi nhanh chóng trong xã hội hiện đại. Nếu như trong phương thức đào tạo theo niên chế, SV hoàn toàn thụ động và tuân thủ theo kế hoạch học tập của nhà trường, thì trong phương thức đào tạo theo TC đòi hỏi SV phải chủ động tích cực để xây dựng cho mình một kế hoạch và phương pháp học tập thích hợp và có hiệu quả cao nhất cho bản thân.

Với học chế TC, kết quả học tập của SV được tính theo quá trình tích lũy từng học phần chứ không phải theo năm học, do đó việc hỏng một học phần nào đó không cản trở quá trình học tiếp tục, SV chỉ học lại các học phần không đạt yêu cầu mà không phải ở lại lớp như trong đào tạo theo niên chế. Vì vậy, đào tạo theo học chế TC có chi phí thấp hơn và hiệu quả cao hơn so với đào tạo theo niên chế.

Đào tạo theo học chế TC tạo ra một loại hình lớp học mới gọi là “*lớp học phần*”, tức là lớp học tập hợp các SV đăng ký học chung một học phần. Lớp học phần sẽ bao gồm SV nhiều khóa học và nhiều ngành học khác nhau. Đây là cơ hội tốt cho

SV giao lưu, học hỏi lẫn nhau và mở rộng các mối quan hệ xã hội. Dân gian Việt Nam có câu: “*Học thầy không tày học bạn*”. Qua khảo sát của chúng tôi về cơ hội giao lưu học hỏi giữa các khóa học, ngành học trong đào tạo theo học chế TC thì có tới 33,8% đồng ý ở mức độ trung bình; 36,2% đồng ý ở mức độ cao; 16,1% đồng ý ở mức độ rất cao. Như vậy, số ý kiến đồng ý tính chung ở cả ba mức độ là 86,1%.

Như trên đã cho thấy, học chế TC cho phép SV quyết định tiến độ đào tạo tùy khả năng và điều kiện của bản thân SV. Vì vậy, những SV học vượt tiến độ để có thể rút ngắn thời gian đào tạo. Thông thường thời gian đào tạo là 4 năm thì SV có thể hoàn thành trong 3,5 năm hoặc 3 năm. Việc rút ngắn thời gian đào tạo của SV không chỉ tiết kiệm thời gian và chi phí cho bản thân và gia đình SV mà còn tạo cho họ nhiều cơ hội về việc làm và tổ chức cuộc sống. Đồng thời, nhà trường và xã hội cũng giảm bớt được nhiều chi phí đào tạo và các chi phí khác nếu SV rút ngắn thời gian đào tạo. Tuy nhiên, trên thực tế, việc rút ngắn thời gian trong đào tạo theo học chế TC lại không đơn giản.

Trong đào tạo theo học chế TC, do mỗi SV có một kế hoạch học tập khác nhau nên có thể xảy ra tình trạng SV bị trùng thời khóa biểu giữa một số học phần nên buộc phải giảm bớt số học phần hoặc phải điều chỉnh kế hoạch học tập để chuyển sang học học phần khác. Điều này cũng có thể làm cho SV khó rút ngắn thời gian đào tạo. Mặt khác, việc tổ chức thực tập thực tế ngoài trường rất khó TC hóa, tức là khó dựa theo sự đăng ký của SV, mà thường phải theo kế hoạch của nhà trường và của các khoa (kiểu đào tạo theo niên chế). Ví dụ, SV ngành sư phạm được tổ chức đi thực tập sư phạm theo 2 đợt trong một khóa học (vào học kỳ 2 năm thứ ba và năm thứ tư). Vì vậy, có thể xảy ra tình trạng SV đã hoàn thành các học phần lý thuyết nhưng phải chờ để đi thực tập sư phạm nên không thể tốt nghiệp sớm.

**Bảng 2: Ý kiến SV về những hạn chế của đào tạo theo TC**

*Đơn vị tính: %*

Tiêu chí / Mức độ	Tổ chức điều hành rất phức tạp	Nhiều tình huống bất thường	Kiến thức bị chia cắt	Khó tổ chức sinh hoạt	Khó đối lịch, bù giờ	Mất nhiều thời gian cho các thủ tục
Rất thấp	3.2	1.8	5.8	3.2	4.0	1.8
Thấp	19.6	11.0	23.2	13.0	6.4	9.4
Trung bình	36.8	31.0	33.0	18.6	27.1	28.5
Cao	27.0	37.6	28.2	39.9	36.3	34.3
Rất cao	13.4	18.6	9.8	25.3	26.1	26.1
Tổng	100.0	100.0	100.0	100.0	100.0	100.0

*Nguồn: Số liệu điều tra trực tiếp năm 2011*

Một đặc điểm đáng quan tâm là công tác điều hành quản lý trong đào tạo theo học chế TC rất phức tạp. Như trên đã nêu, trong đào tạo theo niên chế SV học theo một kế hoạch chung theo sự sắp xếp của nhà trường nên việc điều hành rất đơn giản và dễ dàng. Còn trong đào tạo theo học chế TC mỗi SV có một kế hoạch học tập riêng

nên việc tổ chức điều hành quản lý đào tạo vô cùng phức tạp. SV phải mất nhiều thời gian để nhập kế hoạch học tập, đăng ký học phần, điều chỉnh kế hoạch và đăng ký bổ sung...

Một hạn chế cũng được nêu ra trong đào tạo theo học chế TC, đó là phần lớn các môđun trong học chế TC được quy định tương đối nhỏ, do đó không đủ thời gian để trình bày kiến thức thật sự hoàn chỉnh và có hệ thống, từ đó gây ấn tượng kiến thức bị cắt vụn. Đây thật sự là một nhược điểm, và người ta thường khắc phục nhược điểm này bằng cách không thiết kế các môđun quá nhỏ, và trong những năm cuối người ta thường thiết kế các môn học hoặc tổ chức các kỳ thi có tính tổng hợp để SV có cơ hội liên kết, tổng hợp các kiến thức đã học.

Một đặc điểm đáng chú ý là đào tạo theo học chế TC khó tạo nên sự gắn kết trong SV của một lớp học chuyên ngành. Do mỗi SV học theo một thời khóa biểu riêng của mình nên các lớp học phân sẽ rất lỏng lẻo và do SV thay đổi thường xuyên giữa các học phần nên việc tổ chức sinh hoạt lớp chuyên ngành và sinh hoạt đoàn thể của SV gặp nhiều khó khăn. Để khắc phục khó khăn này, người ta phải tổ chức các hoạt động đoàn thể linh hoạt hơn theo hướng đoàn viên sẽ đăng ký tham gia các hoạt động tình nguyện và sử dụng các phiếu xác nhận để tính điểm khi phân loại đoàn viên trong các chi đoàn. Ngoài ra, nhà trường phải dành một số buổi xác định không bố trí thời khóa biểu học tập để SV có thể cùng tham gia các sinh hoạt đoàn thể và sinh hoạt lớp theo khóa học (lớp theo khóa học được thành lập từ năm thứ nhất và có một giáo viên làm cố vấn học tập để hỗ trợ SV).

Trên cơ sở phát huy tính tích cực nhận thức của người học, đào tạo theo TC cho phép giảm bớt số giờ lên lớp và tăng cường thời gian tự học, tự nghiên cứu của SV. Về nguyên tắc, tương ứng với 1 giờ học trên lớp thì SV phải có ít nhất 2 giờ chuẩn bị cá nhân hay trung bình cho mỗi TC, SV phải dành khoảng 30 giờ tự học, tự nghiên cứu. Như vậy, nếu như trong đào tạo theo niên chế giảng viên có nhiệm vụ truyền đạt kiến thức còn SV hoàn toàn thụ động tiếp thu kiến thức được thầy truyền đạt, thì trong đào tạo theo TC người thầy chủ yếu là người hướng dẫn và tổ chức để người học tự lực tham gia các hoạt động nhận thức và tự mình nắm lấy tri thức. Điều này cho thấy vấn đề mấu chốt để nâng cao chất lượng trong đào tạo theo học chế TC là phải đổi mới phương pháp dạy-học ở cả hai phía: người dạy và người học. Nếu cách dạy và cách học không thay đổi thì có thể xảy ra nguy cơ là đào tạo theo học chế TC có chất lượng kém hơn đào tạo theo niên chế bởi vì thời gian lên lớp trong đào tạo theo học chế TC ít hơn. Tuy nhiên, không vì lý do này mà cho rằng không nên thực hiện đào tạo theo học chế TC. Thực tế đã khẳng định trong thời kỳ bùng nổ thông tin hiện nay, kiến thức sẽ nhanh chóng trở nên lạc hậu. Những kiến thức SV tiếp thu trong những năm đầu ở trường đại học thì khi ra trường có thể đã lạc hậu và nếu SV chỉ dừng lại ở việc tiếp thu kiến thức từ người thầy thì sẽ hoàn toàn bị động trước sự biến đổi kiến thức của thời đại và không có khả năng tự phát triển. Như vậy, nhiệm vụ chính của nhà trường đại học không phải là cung cấp kiến thức mà là trang bị cho SV phương pháp học tập, phương pháp tư duy, phương pháp nghiên cứu. Đây chính là sự thay đổi căn bản về cách dạy và cách học mà đào tạo theo học chế TC cần hướng tới.

Với việc giảm thời gian lên lớp và tăng thời gian tự học thì SV sẽ có thời gian tự chủ nhiều hơn. Đây là cơ hội cho SV có thể học 2 ngành song song, học thêm

ngoại ngữ, tin học hoặc đi làm thêm để có kinh phí học tập và trang trải cuộc sống. Tuy nhiên, đặc điểm này cũng có thể dẫn đến tình trạng SV không sử dụng tốt thời gian ngoài giờ lên lớp và chất lượng học tập kém.

**Bảng 3: Ý kiến SV về thời gian dành cho tự học cần thiết ứng với 1 giờ lên lớp**

*Đơn vị tính: %*

Thời gian tự học	1 giờ	2 giờ	3 giờ	4 giờ	5 giờ trở lên	Tổng cộng
Tỉ lệ SV lựa chọn	8.8	45.9	29.8	11.5	4.0	100.0

*Nguồn: Số liệu điều tra trực tiếp năm 2011*

Qua khảo sát của chúng tôi về thời gian tự học của SV tương ứng với 1 giờ học trên lớp, thì số ý kiến cho rằng cần 2 giờ tự học có tỉ lệ cao nhất nhưng cũng chỉ đạt 45,9%. Nếu tính cả các ý kiến cho rằng cần thời gian tự học từ 2 giờ trở lên thì tỉ lệ đạt 91,2%. Như vậy, phần lớn ý kiến SV phù hợp với quy định đã nêu trên.

Tuy nhiên, về thời gian thực tế SV dành cho tự học mỗi thì ngày thì lại không đảm bảo nguyên tắc trên. Tỷ lệ SV sử dụng thời gian cho tự học trên 6 giờ/ngày là 0,2%; từ 5-6 giờ/ngày là 5,5%; từ 4-5 giờ/ngày tự học là 12,6%; từ 3-4 giờ/ngày là 48,0%; từ 1-2 giờ/ngày là 30,0%; dưới 1 giờ/ngày là 3,8%. Theo chúng tôi, hiện nay trung bình mỗi ngày SV chỉ có 2-3 tiết lên lớp, như vậy nếu theo nguyên tắc thì SV phải tự học 4-6 giờ/ngày. Nhưng theo kết quả khảo sát trên thì chỉ có 18,3% sinh viên sử dụng từ 4-6 giờ/ngày để tự học.

Về nơi tự học của SV, phần lớn các ý kiến cho rằng nơi tự học thích hợp là ở nhà hoặc ở nhà trọ, ở kí túc xá (91,1%). Ngoài ra, một số nơi tự học được SV lựa chọn là ở giảng đường, phòng học của trường (80,5%); tại thư viện (84,0%); tại nhà sách, phòng máy tính hoặc nhà bạn bè (70,0%). Những nơi khác được lựa chọn ít hơn như: tại công viên (33,0%); tại quán cà phê - Internet (39,6%).

Chúng ta đều biết rằng: muốn nâng cao chất lượng đào tạo theo học chế TC thì phải tăng cường tính chủ động của SV. Tuy nhiên, phần lớn SV vẫn rất thụ động trong học tập. Nhiều SV tỏ ra lúng túng trong việc lập kế hoạch học tập và đăng ký học phần. Theo khảo sát của chúng tôi, tình trạng SV không nắm được quy trình, thủ tục trong đào tạo theo TC theo 5 mức độ như sau: mức độ rất thấp 1,3%; mức độ thấp 4,6%; mức độ trung bình 27,3%; mức độ cao 47,0%; mức độ rất cao 19,8%. Như vậy có nghĩa là 94,1% SV không nắm được quy trình, thủ tục trong đào tạo theo TC từ mức độ trung bình đến rất cao. Tình trạng trên cho thấy cần nâng cao nhận thức và tăng cường tư vấn cho SV qua cố vấn học tập.

Có thể ví đào tạo theo TC như “nền kinh tế thị trường” còn đào tạo theo niên chế như “nền kinh tế kế hoạch hóa”. Cái mạnh của đào tạo theo TC thì đã rõ nhưng vận hành cơ chế đào tạo theo TC không hề đơn giản. Nếu như trong đào tạo theo niên chế, kế hoạch được thực hiện thống nhất, chặt chẽ thì trong đào tạo theo TC, nhà trường lại phải thích ứng “chiến lược, chiến thuật” của từng SV. Theo chúng tôi, nếu hệ thống đào tạo theo học chế TC hoàn toàn vận hành theo yêu cầu của SV thì sẽ có 2 khó khăn lớn: 1) Nhà trường không đủ nguồn lực để đáp ứng mọi yêu cầu của SV (ví dụ: quỹ phòng học, đội ngũ giáo viên, quỹ thời gian...); 2) SV vẫn

còn nhiều hạn chế để lập kế hoạch học tập hợp lý cho bản thân (mặc dù có sự tư vấn của CVHT). Từ 2 khó khăn đó sẽ dẫn đến việc lập kế hoạch của SV không hiệu quả hoặc phải điều chỉnh một cách bị động khi nhà trường không đáp ứng được. Xuất phát từ thực tế nêu trên, chúng tôi đề xuất một số giải pháp như sau:

### **3.1 Kết hợp ưu điểm của đào tạo theo TC với ưu điểm của đào tạo theo niên chế**

Theo chúng tôi, có thể áp dụng mô hình “Phát triển kinh tế thị trường có định hướng của nhà nước” trong đào tạo theo TC và tạm gọi là: “Phát huy tính tích cực của SV có sự định hướng của nhà trường”, có nghĩa là nhà trường cần xác lập một hành lang hợp lý để SV được lựa chọn trong khuôn khổ nào đó khi lập kế hoạch học tập mà không hoàn toàn giao phó cho sự “ngẫu hứng” của SV. Cụ thể, chúng tôi cho rằng mỗi ngành học nên thiết kế một số “kế hoạch khung” có tính chất gợi ý để SV tham khảo khi lập kế hoạch học tập của mình. Các kế hoạch khung này cần bao gồm một số phương án: học đúng tiến độ, học vượt tiến độ, học trễ tiến độ... để SV cân nhắc, lựa chọn.

### **3.2 Tăng cường cung cấp thông tin để SV chủ động lập kế hoạch học tập**

Thực tế hiện nay SV thường nắm được rất ít thông tin, nhất là thông tin về kế hoạch học tập của những SV khác trong cùng ngành đào tạo. Vì vậy, có thể xảy ra tình trạng một vài SV chọn môn học A, một vài SV khác lại chọn môn học B. Kết quả là một sự “rối loạn” về kế hoạch học tập mà nhà trường không thể đáp ứng được. Như vậy thì tại sao không cung cấp thông tin cho SV biết là học kỳ này có bao nhiêu SV lựa chọn môn học A, bao nhiêu SV lựa chọn môn học B, v.v... Giống như thông tin trên thị trường chứng khoán, thông tin về kế hoạch học tập của SV theo ngành học sẽ giúp cho SV theo dõi để điều chỉnh kế hoạch học tập của mình một cách chủ động, hợp lý và khả thi hơn. Nhà trường sẽ bớt đi rất nhiều những trường hợp đặc biệt phải xem xét giải quyết.

### **3.3 Đổi mới quan điểm và phương pháp dạy học của giảng viên**

Việc thực hiện đào tạo theo học chế TC chỉ có hiệu quả khi giảng viên thay đổi quan điểm và phương pháp dạy học. Tất nhiên, nói như vậy không phải là đào tạo theo niên chế không cần đổi mới phương pháp, nhưng yêu cầu đặt ra của đào tạo theo TC là bức thiết. Nếu đào tạo theo học chế TC mà người dạy vẫn nặng về cung cấp thông tin, nhẹ về gợi ý hướng dẫn và tổ chức cho người học tự nhận thức thì chất lượng đào tạo sẽ kém hơn đào tạo theo niên chế. Bởi vì, đào tạo theo học chế TC đã giảm số giờ lên lớp của giảng viên. Hiện nay nhiều giảng viên đang bối rối với việc đổi mới phương pháp giảng dạy lấy người học là trung tâm - yêu cầu bắt buộc trong đào tạo theo học chế TC.

Giảng viên Vũ Đình Bảy, Trường Đại học Huế, nêu những khó khăn đến từ phía nhiều giảng viên như dạy theo quán tính cũ với các phương pháp dạy học truyền thống; chưa tiếp cận với phương pháp dạy học tích cực phù hợp với đặc trưng từng bộ môn; một số lạm dụng và lệ thuộc quá nhiều vào phương tiện dạy học hiện đại nhưng không mang lại hiệu quả thực chất trong giảng dạy [Vũ Đình Bảy, 2010, tr.74].

TS Trần Văn Dũng, Trường Đại học Tây Nguyên, cũng cho biết trường này áp dụng đào tạo TC từ năm 2009 nhưng gặp trở ngại là SV không quen làm việc độc

lập, vẫn giữ tư duy dựa vào đội ngũ cố vấn học tập, đội ngũ cán bộ lớp để nắm bắt thông tin của nhà trường, vì vậy mà nhiều SV phàn nàn là không biết trường tổ chức những môn học nào, kế hoạch học tập ra sao... Theo kết quả điều tra ở một số trường đại học thì tính chủ động của SV trong quá trình học tập là rất thấp [Trần Văn Dũng, 2010, tr.123].

Chúng tôi cho rằng, vấn đề bức thiết đang đặt ra là phải chú trọng đào tạo, tập huấn và cung cấp thông tin cho đội ngũ giảng viên. Nếu giảng viên không hiểu đầy đủ về đào tạo theo TC thì không thể có sự chuyển biến căn bản về chất lượng đào tạo. Chỉ có trên cơ sở người dạy hiểu đúng về đào tạo theo TC thì họ mới chủ động thay đổi phương pháp dạy học theo TC cho phù hợp và có hiệu quả.

### 3.4 Thay đổi cách nghĩ, cách học của SV

Trong công trình nghiên cứu về thực trạng học tập theo TC tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội của PGS.TS Nguyễn Công Khanh, có tới hơn 54% SV được hỏi cho rằng không có hứng thú học tập, 64% cho rằng chưa tìm được phương pháp học phù hợp... [Dẫn theo Vũ Đình Bảy, 2010, tr.73].

Khảo sát của chúng tôi ở trên cũng cho thấy hiện nay SV sử dụng thời gian cho tự học còn ít, SV vẫn còn thói quen thầy dạy gì thì học nấy.

PGS.TS Trần Thanh Ái, Trường Đại học Cần Thơ, cho biết: “Đào tạo theo TC đòi hỏi SV phải có kỹ năng tự học và tự nghiên cứu, thế mà thói quen học vẹt và chỉ học theo giáo trình hoặc bài vở của thầy cô hình thành khi còn học phổ thông đã khiến không ít SV gặp khó khăn hoặc cảm thấy mất phương hướng. Nhiều SV sử dụng thời gian tự học để làm việc riêng như đi làm thêm, học văn bằng hai...” [Trần Thanh Ái, 2010, tr.48].

Để thay đổi phương pháp học tập của SV, vai trò của người thầy rất quan trọng. Thực ra, dạy và học là hai mặt của một quá trình thống nhất. Chúng tôi cho rằng, người thầy phải tự đổi mới mình trước. Nếu nói theo ngôn ngữ bóng đá thì trước đây thầy đóng vai trò là “cầu thủ” trên sân, bây giờ thầy phải chuyển sang vai trò là “huấn luyện viên” cho đội bóng. Nhiệm vụ chính của giảng viên đại học không phải là truyền đạt kiến thức mà là định hướng và tổ chức cho SV tự tìm kiến thức và phát triển trí tuệ bản thân. Người thầy phải có chức năng giao nhiệm vụ tự học cho SV (bài về nhà) và kiểm tra đánh giá kết quả tự học của SV. Điều đó có nghĩa là cần tạo ra sự kết nối giữa dạy học trên lớp với tự học ở nhà. Cần tạo cho SV phong cách học tập mới: thầy giới thiệu sách và ra yêu cầu còn SV phải tự tìm sách, tự nghiên cứu để nắm kiến thức. Ngay trong quá trình đào tạo trong nhà trường SV phải tự phát huy nội lực bản thân để có thể phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu. Có như vậy, kiến thức mà SV tiếp thu được sẽ không mang tính giáo điều, không bị lạc hậu trước sự biến đổi và phát triển nhanh chóng của thời đại. Đó cũng chính là mục tiêu đặt ra cho đào tạo theo học chế TC.

## 4 KẾT LUẬN

Đào tạo theo học chế TC tuy được coi là phương thức đào tạo mới nhưng đã có lịch sử hàng trăm năm và đã khẳng định ưu thế của nó tại nhiều trường đại học danh tiếng trên thế giới. Đối với các trường đại học ở Việt Nam, nhìn chung



phương thức đào tạo theo học chế TC còn khá mới mẻ. Hơn nữa các nguồn lực đảm bảo cho đào tạo theo học chế TC còn nhiều hạn chế. Vì vậy, việc thực hiện còn gặp không ít khó khăn, trở ngại.

Trong phương thức đào tạo theo học chế TC, cùng với việc tổ chức quản lý đào tạo một cách mềm dẻo, linh hoạt theo sự vận hành mang tính cá thể hóa dựa trên kế hoạch học tập của người học thì việc áp dụng đúng đắn các phương pháp dạy học tích cực và trao quyền chủ động cho người học là một trong những vấn đề cốt yếu để đảm bảo sự thành công cho phương thức đào tạo mới này.

Qua kết quả khảo sát ý kiến SV về đào tạo theo TC nói chung và đặc biệt là những giải pháp để nâng cao tính chủ động của SV, chúng tôi hi vọng sẽ đóng góp một phần nhỏ vào việc nâng cao chất lượng đào tạo ở Trường Đại học Cần Thơ cũng như ở các trường đại học trong cả nước, từng bước đưa nền giáo dục đại học của nước ta tiếp cận với nền giáo dục đại học trên thế giới.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống TC* (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- Đào Ngọc Cảnh (2010), *Một số vấn đề đang đặt ra qua thực tế giảng dạy theo hệ thống TC ở Trường Đại học Cần Thơ*, Kỷ yếu hội thảo khoa học toàn quốc “Đổi mới phương pháp giảng dạy đại học theo TC”, Chuyên san của Tạp chí đại học Sài Gòn.
- Elis Mazuz & Phạm Thị Ly (2006), *Mục tiêu sư phạm của hệ thống đào tạo theo TC Mỹ và những gợi ý cho cải cách cho giáo dục Việt Nam*, (đăng trên trang web <http://lypham.net/joomla/index>).
- Lâm Quang Thiệp (2010), *Về phương pháp dạy, học và đánh giá kết quả học tập trong hệ thống TC*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học toàn quốc “Đổi mới phương pháp giảng dạy đại học theo hệ thống TC”, Chuyên san của Tạp chí đại học Sài Gòn.
- Thanh Tùng (2011), *Đào tạo TC và dạy và học kiểu... đối phó*, (đăng trên trang web <http://ctat8.vn/News/66/514/dao-tao-tin-chi-day-va-hoc-kieu-doi-pho.aspx>).
- Trần Thanh Ái (2010), *Đào tạo theo hệ thống TC- Các nguyên lý, thực trạng và giải pháp*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học toàn quốc “Đổi mới phương pháp giảng dạy đại học theo hệ thống TC”, Chuyên san của Tạp chí đại học Sài Gòn.
- Trexler C.J. (2008), *Hệ thống TC tại các trường đại học Hoa Kỳ : Lịch sử phát triển, Định nghĩa và cơ chế hoạt động*, trong *Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục*, số 11/2008 (đăng lại trên trang web <http://ceea.ier.edu.vn/toa-dam-hoi-thao/>).
- Trường Đại học Cần Thơ (2010), *Sổ tay giảng viên (Tài liệu hướng dẫn giảng viên thực hiện học chế TC)*, NXB Đại học Cần Thơ.